TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:57/2019/QĐST-HNGĐ

TS, ngày 10 tháng 4 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Hà Văn T**, sinh năm 1975;

Bị đơn: Chị **Hà Thị Thúy V**, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Khu 7, xã KS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Ông **Lã Thành Công** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Hà Văn T và chị Hà Thị Thúy V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về con chung, và cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn T và chị Hà Thị Thúy V xác nhận có hai con chung Hà Văn N, sinh ngày 08/9/1997 và Hà Thị Thúy K, sinh ngày 09/01/2002.

Khi ly hôn anh T; chị V không yêu cầu giải quyết nuôi con đối với cháu Hà Văn N vì đã trưởng thành. Đối với cháu Hà Thị Thúy K chị V trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2019 đến khi thành niên, lao động tự túc được, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh T; chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T; chị V được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 của Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TS;
- Chị cục THA huyện TS;
- UBND xã KS, huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Văn Chí